

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	32778	11A1	Huỳnh Đại	An	14/12/2005		
2	32779	11A1	Vũ Lê Khánh	An	22/11/2005	x	
3	32780	11A1	Nguyễn Phúc Minh	Anh	22/03/2005	x	
4	32781	11A1	Nguyễn Ngọc Thiên	Bảo	21/11/2005	x	
5	32782	11A1	Trần Gia	Bảo	28/03/2005		
6	32783	11A1	Phạm Thanh	Bình	18/07/2005		
7	32784	11A1	Nguyễn Ngọc	Duy	19/02/2005		
8	32785	11A1	Đào Phong	Dương	23/01/2005		
9	32787	11A1	Ngũ Tấn	Đạt	05/11/2005		
10	32788	11A1	Trương Khánh	Hà	17/11/2005	x	
11	32789	11A1	Trần Thanh	Hào	01/02/2005		
12	32790	11A1	Lê Gia	Hân	28/12/2005	x	
13	32792	11A1	Nguyễn Quốc	Hưng	07/09/2005		
14	32793	11A1	Tạ An	Khang	28/12/2005		
15	32794	11A1	Nguyễn Tuấn Anh	Khôi	16/06/2005		
16	33168	11A1	Trần Đình	Khôi	21/12/2005		CHUYỂN BAN
17	32795	11A1	Trần Anh	Kiệt	02/07/2005		
18	32797	11A1	Nguyễn Huỳnh	Long	17/06/2005		
19	32798	11A1	Nguyễn Nhật	Minh	14/02/2005		
20	32799	11A1	Dương Trà	My	11/06/2005	x	
21	32800	11A1	Thạch Kim	Ngân	12/10/2005	x	
22	32801	11A1	Bùi Lê Hồng	Ngọc	05/08/2005	x	
23	33249	11A1	Thái Hoài Như	Ngọc	27/11/2005	x	CHUYỂN BAN
24	32803	11A1	Nguyễn Minh	Nhân	07/11/2005		
25	33179	11A1	Lê Phan Ngọc	Nhi	17/05/2005	x	CHUYỂN BAN
26	32804	11A1	Đỗ Thùy Tiệp	Như	22/07/2005	x	
27	32806	11A1	Trương Vỹ	Phong	29/04/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	32807	11A1	Trần Hồng	Phúc	14/02/2005		
29	32805	11A1	Nguyễn Lưu Khải	Phương	19/04/2005	x	
30	32808	11A1	Trần Minh	Quân	09/08/2005		
31	33145	11A1	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/01/2005	x	CHUYỂN BAN
32	32810	11A1	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	06/09/2005	x	
33	32809	11A1	Trần Đình Ngọc Phú	Quý	18/11/2005		
34	32811	11A1	Dương Hồng	Tân	25/11/2005		
35	32812	11A1	Lê Phước	Thành	02/02/2005		
36	33187	11A1	Phan Nguyễn Thanh	Thảo	06/06/2005	x	CHUYỂN BAN
37	32814	11A1	Nguyễn Văn	Thắng	18/04/2005		
38	32815	11A1	Nguyễn Nam	Thịnh	05/12/2005		
39	32816	11A1	Lê Hoàng	Thông	11/03/2005		
40	32818	11A1	Tô Vũ Anh	Thư	17/12/2005	x	
41	32819	11A1	Châu Trọng	Toản	20/10/2005		
42	32820	11A1	Trần Nguyễn Thu	Trang	15/10/2005	x	
43	32821	11A1	Nguyễn Thùy	Trâm	07/04/2005	x	
44	32822	11A1	Nguyễn Minh	Triết	06/10/2005		
45	32823	11A1	Nguyễn Khánh	Tuấn	30/08/2005		
46	32824	11A1	Trần Thanh	Vân	31/12/2005	x	
47	32825	11A1	Ngô Quốc	Việt	10/11/2005		
48	32826	11A1	Trương Bảo	Vy	24/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	32827	11A2	Nguyễn Nhật	An	28/07/2005		
2	32828	11A2	Trần Thị Minh	Anh	23/08/2005	x	
3	32829	11A2	Trần Thị Minh	Ánh	23/08/2005	x	
4	32830	11A2	Trần Thị Thiên	Ân	28/06/2005	x	
5	32831	11A2	Trần Gia	Bảo	11/11/2005		
6	32832	11A2	Trần Đoàn Minh	Cát	16/06/2005		
7	32833	11A2	Huỳnh Công	Duy	02/06/2005		
8	32834	11A2	Nguyễn Đức	Duy	22/11/2005		
9	32835	11A2	Võ Ngọc Thùy	Dương	02/09/2005	x	
10	32836	11A2	Vũ Quốc	Định	30/12/2005		
11	32837	11A2	Tăng Thanh	Hà	10/08/2005	x	
12	32838	11A2	Lai Gia	Hào	05/09/2005	x	
13	32839	11A2	Đỗ Ngọc	Hân	10/04/2005	x	
14	32840	11A2	Phạm Gia	Huy	05/05/2005		
15	32841	11A2	Ngô Quang	Hưng	15/08/2005		
16	32843	11A2	Phan Vũ	Khanh	05/08/2005		
17	32842	11A2	Lê Phan Tuấn	Khôi	23/09/2005		
18	32844	11A2	Cao Nhật	Lâm	10/09/2005		
19	32845	11A2	Trần Gia	Linh	19/01/2005	x	
20	32846	11A2	Trần Lê Bảo	Long	24/08/2005		
21	32847	11A2	Hà Bội	My	03/05/2005	x	
22	32848	11A2	Trần Lê Hải	Nam	18/02/2005		
23	32849	11A2	Nguyễn Thị Kim	Ngân	21/03/2005	x	
24	32850	11A2	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	26/09/2005	x	
25	32851	11A2	Phạm Lê Nhật	Nguyên	04/08/2005		
26	32852	11A2	Nguyễn Minh	Nhật	02/06/2005		
27	32853	11A2	Võ Ngọc	Như	08/08/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	32854	11A2	Nguyễn Mạnh	Phú	21/06/2005		
29	32855	11A2	Nguyễn Hoàng	Phúc	31/05/2005		
30	32856	11A2	Nguyễn Trần Nam	Phương	14/10/2005	x	
31	32857	11A2	Đỗ Minh	Quang	28/06/2005		
32	32858	11A2	Trương Thị Xuân	Quỳnh	15/12/2005	x	
33	32859	11A2	Nguyễn Huy	San	26/05/2005		
34	32860	11A2	Trịnh Như	Thảo	04/01/2005	x	
35	32861	11A2	Bùi Huy	Thắng	15/01/2005		
36	32862	11A2	Huỳnh Hiếu	Thêm	05/01/2005		
37	32863	11A2	Nguyễn Hữu	Thịnh	25/05/2005		
38	32865	11A2	Đặng Minh	Thuyền	23/10/2005		
39	32864	11A2	Nguyễn Như	Thùy	09/01/2005	x	
40	32866	11A2	Đinh Ngọc Anh	Thư	16/06/2005	x	
41	32867	11A2	Kiều Lê Phương	Trâm	30/11/2005	x	
42	32868	11A2	Dương Đình	Tri	16/08/2005		
43	32869	11A2	Đỗ Trung Nhật	Triều	19/02/2005		
44	32870	11A2	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	14/08/2005	x	
45	32871	11A2	Thái	Tuấn	03/12/2005		
46	32872	11A2	Trần Ngọc Thanh	Tuyền	25/01/2005	x	
47	32873	11A2	Phan Thảo	Vi	25/11/2005	x	
48	32874	11A2	Lại Phước	Vinh	30/10/2005		
49	32875	11A2	Phan Hoàng	Vũ	05/08/2005		
50	32876	11A2	Lê Hoàng	Yến	09/06/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	32877	11A3	Huỳnh Ngọc Kim	Anh	26/06/2005	x	
2	32878	11A3	Đỗ Thiên	Ân	04/06/2005		
3	32879	11A3	Nguyễn Quỳnh Thiên	Ân	17/04/2005	x	
4	32880	11A3	Phạm Vũ Quốc	Bảo	01/02/2005		
5	32881	11A3	Nguyễn Bảo	Châu	21/02/2005	x	
6	32882	11A3	Nguyễn Tuấn	Cường	07/01/2005		
7	32884	11A3	Trương Hoàng	Duy	02/09/2005		
8	32883	11A3	Nguyễn Bùi Thủy	Duyên	17/08/2005	x	
9	32885	11A3	Đỗ Minh	Đức	22/04/2005		
10	32886	11A3	Huỳnh Thanh	Hà	24/04/2005	x	
11	32887	11A3	Nguyễn Hoàng	Hải	27/11/2005		
12	32888	11A3	Huỳnh Ngọc Gia	Hân	07/04/2005	x	
13	32889	11A3	Trần Trung	Hậu	29/07/2005		
14	32890	11A3	Trần Trọng	Hiếu	13/02/2005		
15	32891	11A3	Vũ Đức Anh	Huy	26/04/2005		
16	32892	11A3	Bồ Khánh	Hưng	05/09/2005		
17	32893	11A3	Nguyễn Ngọc	Khiêm	01/09/2005		
18	32894	11A3	Trần Trung	Kiên	29/07/2005		
19	32895	11A3	Hàng Bảo	Kim	10/07/2005	x	
20	32896	11A3	Phan Đức	Lâm	23/05/2005		
21	32898	11A3	Hồ Tuấn	Mẫn	26/10/2005		
22	32899	11A3	Nguyễn Lê Thảo	My	17/05/2005	x	
23	32900	11A3	Phạm Nguyễn Hoài	Nam	25/07/2005		
24	32901	11A3	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nghi	23/09/2005	x	
25	32902	11A3	Phạm Sĩ	Nguyên	06/06/2005		
26	32903	11A3	Trương Lê Thảo	Nhi	22/09/2005	x	
27	32904	11A3	Hồ Ngọc Phương	Như	25/07/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	32905	11A3	Nguyễn Tấn	Phát	08/02/2005		
29	32906	11A3	Châu Vĩnh	Phúc	15/09/2005		
30	32907	11A3	Lê Nhựt	Phúc	14/08/2005		
31	32908	11A3	Hồ Ngọc Thanh	Phương	21/07/2005	x	
32	32909	11A3	Tạ Nhật Nam	Quang	01/06/2005		
33	32910	11A3	Lương Thị Diễm	Quỳnh	31/10/2005	x	
34	32911	11A3	Nguyễn Dương Thái	Sang	15/04/2005		
35	32912	11A3	Nguyễn Huy	Thanh	27/02/2005		
36	32913	11A3	Nguyễn Đình	Thi	30/06/2005		
37	32914	11A3	Ngũ Vĩnh	Thịnh	26/10/2005		
38	32916	11A3	Nguyễn Minh	Thư	23/05/2005	x	
39	32917	11A3	Trần Lương Anh	Thư	20/07/2005	x	
40	32918	11A3	Mã Nhật	Tiên	06/06/2005		
41	32919	11A3	Hồ Quỳnh	Trâm	25/05/2005	x	
42	32920	11A3	Nguyễn Hữu	Trí	11/03/2005		
43	32922	11A3	Lý Anh	Trung	07/09/2005		
44	32921	11A3	Lâm Thanh	Trúc	28/02/2005	x	
45	33019	11A3	Lý Ngọc Phương	Trúc	04/11/2005	x	
46	32923	11A3	Dương Ngọc	Tuân	25/11/2004		
47	32924	11A3	Giang Phi	Vân	24/08/2005	x	
48	32925	11A3	Hoàng Khánh	Vi	25/11/2005	x	
49	32926	11A3	Nguyễn Hữu	Vinh	14/11/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	32927	11A4	Nguyễn Bá Huy	Anh	11/02/2005		
2	32928	11A4	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	20/11/2005	x	
3	32929	11A4	Phạm Lê Quỳnh	Anh	29/11/2005	x	
4	32930	11A4	Lê Quang	Bảo	06/03/2005		
5	32931	11A4	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	11/06/2005	x	
6	32932	11A4	Đỗ Nguyễn Phương	Duy	04/10/2005		
7	32933	11A4	Trần Hải	Đặng	18/09/2005		
8	32934	11A4	Nguyễn Văn	Đức	24/09/2005		
9	32935	11A4	Lê Hương	Giang	22/03/2005	x	
10	32936	11A4	Huỳnh Ngọc	Hà	01/06/2005	x	
11	32937	11A4	Lê Hoàng	Hải	08/09/2005		
12	32938	11A4	Trần Lê Khánh	Hân	26/12/2005	x	
13	32939	11A4	Nguyễn Vĩnh	Hoàng	18/07/2005		
14	32940	11A4	Nguyễn Gia	Huy	27/05/2005		
15	32941	11A4	Trần Gia	Huy	28/11/2005		
16	32942	11A4	Nguyễn Đăng	Khoa	24/07/2005		
17	32943	11A4	Trần Hào	Kiệt	18/09/2005		
18	32944	11A4	Nguyễn Vũ Thanh	Lam	01/05/2005	x	
19	32945	11A4	Vũ Phước	Lộc	27/05/2005		
20	32946	11A4	Trần Lê	Mai	07/07/2005	x	
21	32947	11A4	Trần Phạm Minh	Mẫn	18/03/2005		
22	32948	11A4	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	24/05/2005		
23	32949	11A4	Huỳnh Ngọc	Nga	01/12/2005	x	
24	32950	11A4	Trương Nhã	Nghi	31/12/2005	x	
25	32951	11A4	Dương Đông	Nguyên	08/12/2005		
26	32952	11A4	Tô Gia	Nhi	17/07/2005	x	
27	32953	11A4	Nguyễn Quỳnh	Như	21/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	32954	11A4	Nguyễn Hữu	Phát	22/03/2005		
29	32955	11A4	Từ Hoàng Gia	Phúc	06/04/2005		
30	32956	11A4	Hồ Thiên	Phước	29/09/2005		
31	32957	11A4	Nguyễn Gia	Phượng	27/07/2005	x	
32	32958	11A4	Lê Phương	Quang	17/10/2005		
33	32959	11A4	Trần Tuệ	San	05/05/2005	x	
34	32960	11A4	Đào Quốc	Sĩ	13/09/2005		
35	32961	11A4	Trần Phúc	Tấn	10/09/2005		
36	32962	11A4	Phạm Quốc	Thanh	10/10/2005		
37	32963	11A4	Lê Thanh	Thiên	06/05/2005		
38	32964	11A4	Trần Lê Ngọc	Thịnh	01/07/2005		
39	32965	11A4	Đặng Nguyễn Anh	Thư	27/11/2005	x	
40	32966	11A4	Nguyễn Thị Minh	Thư	22/04/2005	x	
41	32968	11A4	Nguyễn Minh	Tiến	16/06/2005		
42	32969	11A4	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	03/09/2005	x	
43	32970	11A4	Phạm Đăng	Trí	13/01/2005		
44	32971	11A4	Trần Thanh	Trúc	16/04/2005	x	
45	32972	11A4	Châu Nhật	Trường	24/05/2005		
46	32973	11A4	Nguyễn Quang	Tùng	08/11/2005		
47	32974	11A4	Đinh Hoàng Mai	Vân	14/01/2005	x	
48	32975	11A4	Trần Huỳnh Nhật	Vy	07/04/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	32977	11A5	Nguyễn Hồ Mai	Anh	05/02/2005	x	
2	32978	11A5	Võ Hoàng Phúc	Anh	27/06/2005		
3	32979	11A5	Trần Mạch Gia	Bảo	21/04/2005		
4	32981	11A5	Tô Khương	Duy	05/07/2005		
5	32982	11A5	Phan Nguyễn Thịnh	Đạt	18/04/2005		
6	32986	11A5	Hồ Lê	Hào	25/10/2005		
7	32985	11A5	Lê Hà Thanh	Hải	24/12/2005	x	
8	32987	11A5	Trần Ngọc Bảo	Hân	12/05/2005	x	
9	32988	11A5	Võ Thái	Học	06/12/2005		
10	32989	11A5	Mạch Vĩnh	Huy	04/09/2005		
11	33359	11A5	Võ Vũ Gia	Huy	01/01/2005		CHUYỂN BAN
12	32990	11A5	Trần Hồ Đăng	Kha	21/02/2005		
13	32991	11A5	Nguyễn Minh	Khôi	17/05/2005		
14	32992	11A5	Phan Anh	Kiệt	02/04/2005		
15	33317	11A5	Nguyễn Trần	Ký	13/08/2005		CHUYỂN BAN
16	32993	11A5	Đỗ Nguyễn Yên	Lam	12/01/2005	x	
17	33556	11A5	Phạm Hoàng	Lâm	03/04/2005		CHUYỂN BAN
18	32994	11A5	Nguyễn Tấn	Lộc	09/02/2005		
19	32996	11A5	Nguyễn	Minh	22/07/2005		
20	32997	11A5	Trần Khánh	Ngân	09/03/2005	x	
21	32999	11A5	Vũ Lê Yên	Ngọc	18/04/2005	x	
22	33000	11A5	Châu Thành	Nhân	01/10/2005		
23	33001	11A5	Đặng Thanh	Nhi	13/09/2005	x	
24	33100	11A5	Lê Uyên	Nhi	04/02/2005	x	CHUYỂN BAN
25	33471	11A5	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	08/08/2005	x	CHUYỂN BAN
26	33002	11A5	Ngô Tuấn	Phát	16/01/2005		
27	33003	11A5	Đỗ Trần Minh	Phúc	19/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33004	11A5	Lê Hoàng	Phúc	15/03/2005		
29	33474	11A5	Nguyễn Quang Hoàng	Phương	27/01/2005	x	CHUYỂN BAN
30	33005	11A5	Bùi Đức	Phước	21/12/2005		
31	33006	11A5	Trần Minh	Quang	31/05/2005		
32	33007	11A5	Đoàn Thị Thanh	Quý	22/05/2005	x	
33	33008	11A5	Lý Tấn	Tài	24/09/2005		
34	33010	11A5	Nguyễn Thị Diễm	Thanh	08/06/2005	x	
35	33011	11A5	Huỳnh Đông	Thành	06/06/2005		
36	33012	11A5	Nguyễn Thành	Thiện	23/06/2005		
37	33009	11A5	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	21/01/2005	x	
38	33014	11A5	Phạm Anh	Thư	20/02/2005	x	
39	33016	11A5	Phạm Nguyễn Thủy	Tiên	29/09/2005	x	
40	33015	11A5	Nguyễn Trung	Tín	10/06/2005		
41	33017	11A5	Đặng Nguyễn Bảo	Trân	26/12/2005	x	
42	33018	11A5	Nguyễn Đức	Trí	17/03/2005		
43	33021	11A5	Huỳnh Gia	Tuấn	29/04/2005		
44	33020	11A5	Thị Hân	Tú	29/05/2005	x	
45	33022	11A5	Trịnh Khả	Vân	18/06/2005	x	
46	33023	11A5	Nguyễn	Việt	15/07/2005		
47	33024	11A5	Phùng Minh	Vũ	17/10/2005		
48	33025	11A5	Nguyễn Đỗ Thanh	Vy	13/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33027	11A6	Đặng Lê Trâm	Anh	08/05/2005	x	
2	33026	11A6	Võ Đoàn Nhật	Anh	03/07/2005	x	
3	33028	11A6	Trịnh Hoàng	Bảo	01/04/2005		
4	33029	11A6	Trần Quốc	Bình	21/01/2005		
5	33030	11A6	Nguyễn Thị	Dung	07/07/2005	x	
6	33032	11A6	Bùi Nguyễn Hoàng	Duy	12/07/2005		
7	33031	11A6	Hồ Minh Trí	Dũng	12/02/2005		
8	33033	11A6	Đỗ Thành	Đạt	30/05/2005		
9	33034	11A6	Tăng Thanh	Hà	08/02/2005	x	
10	33035	11A6	Huỳnh Nhật	Hào	14/07/2005		
11	33036	11A6	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	29/08/2005	x	
12	33037	11A6	Nguyễn Trương Gia	Hân	24/08/2005	x	
13	33038	11A6	Vũ Thị Ngọc	Hân	21/01/2005	x	
14	33039	11A6	Park Hyun	Hoo	30/01/2005		
15	33040	11A6	Lâm Gia	Huy	20/07/2005		
16	33041	11A6	Huỳnh Chấn	Khải	29/09/2005		
17	33042	11A6	Võ Nguyễn Minh	Khôi	08/04/2005		
18	33043	11A6	Lê Gia	Kiệt	02/03/2005		
19	33044	11A6	Nguyễn Thanh Ngọc	Lan	17/11/2005	x	
20	33045	11A6	Phan Nguyễn Thành	Lộc	15/07/2005		
21	33046	11A6	Nguyễn Hòa	Mi	29/06/2005	x	
22	33047	11A6	Nguyễn Đức	Minh	06/01/2005		
23	33048	11A6	Trần Kim	Ngân	12/09/2005	x	
24	33049	11A6	Lê Hoàng Khánh	Ngọc	13/08/2005	x	
25	33050	11A6	Trần Bình	Nguyên	24/06/2005		
26	33052	11A6	Võ Yến	Nhi	19/03/2005	x	
27	33053	11A6	Nguyễn Đức	Phát	09/03/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33054	11A6	Võ Trần Nguyên	Phúc	03/07/2005		
29	33055	11A6	Nguyễn Nhật Yến	Phụng	04/10/2005	x	
30	33056	11A6	Nguyễn Minh	Quân	26/09/2005		
31	33058	11A6	Trần Phương	Quyên	18/11/2005	x	
32	33057	11A6	Nguyễn Thanh Hoàng	Quý	21/09/2005		
33	33059	11A6	Trần Duy	Tân	29/11/2005		
34	33061	11A6	Phan Phương	Thảo	16/08/2005	x	
35	33062	11A6	Vũ Lê Trường	Thịnh	01/10/2005		
36	33063	11A6	Nguyễn	Thoại	26/03/2005		
37	33064	11A6	Đỗ Thị Anh	Thư	13/10/2005	x	
38	33065	11A6	Trương Bạch Anh	Thư	08/04/2005	x	
39	33066	11A6	Nguyễn Khắc Bảo	Toàn	26/08/2005		
40	33067	11A6	Lê Ngọc Diễm	Trâm	16/05/2005	x	
41	33068	11A6	Nguyễn Thị Thảo	Trân	16/08/2005	x	
42	33069	11A6	Phan Thanh	Trí	16/08/2005		
43	33070	11A6	Võ Ngọc	Trúc	29/03/2005	x	
44	33071	11A6	Đàm Vĩnh	Tuấn	09/11/2005		
45	33072	11A6	Lương Thanh	Vân	17/08/2005	x	
46	33073	11A6	Lê Nguyễn Bảo	Việt	20/03/2005		
47	33074	11A6	Lương Quang	Vũ	25/10/2005		
48	33075	11A6	Hồ Nguyễn Uyên	Vy	30/07/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33115	11B1	Ngô Ngọc Như	Ý	10/10/2005	x	
2	33076	11B1	Trần Nhật	An	05/09/2005		
3	33078	11B1	Trần Minh	Anh	30/07/2005	x	
4	33077	11B1	Trần Ngọc Phương	Anh	15/08/2005	x	
5	33079	11B1	Phạm Hoàng	Cát	04/09/2005		
6	33080	11B1	Trần Khả	Châu	14/07/2005	x	
7	33081	11B1	Âu Dương Phước	Duyên	24/03/2005	x	
8	33082	11B1	Nguyễn Hoàng	Đức	10/03/2005		
9	33083	11B1	Trần Bảo	Hân	11/11/2005	x	
10	33084	11B1	Trần Ngọc	Hiếu	17/07/2005		
11	33086	11B1	Trần Quỳnh	Hương	24/08/2005	x	
12	33087	11B1	Trần Dương Ngọc	Khánh	07/12/2005	x	
13	33088	11B1	Trần Vid Đăng	Khoa	09/03/2005		
14	33089	11B1	Kổng Thục	Kiệt	05/02/2005	x	
15	33090	11B1	Kiều Gia	Kiệt	10/02/2005		
16	33091	11B1	Lê Phan Tuấn	Kiệt	10/08/2005		
17	33092	11B1	Nguyễn Thiên	Lộc	24/03/2005		
18	33093	11B1	Phùng Chi	Mai	11/05/2005	x	
19	33094	11B1	Trần Minh	Mẫn	22/08/2005		
20	33095	11B1	Nguyễn Hoàng Ái	My	11/04/2005	x	
21	33097	11B1	Hồ Bích	Ngân	13/05/2005	x	
22	33098	11B1	Nguyễn Tất Phương	Nghi	24/08/2005	x	
23	33096	11B1	Trần Nguyễn Song	Nguyên	02/04/2005	x	
24	33099	11B1	Bùi Thuận Quyền	Nhi	25/06/2005	x	
25	33101	11B1	Trần Ngọc Kiều	Oanh	07/09/2005	x	
26	33103	11B1	Phan Nam	Phương	12/08/2005	x	
27	33102	11B1	Nhan Vĩnh	Phước	27/09/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33104	11B1	Lê Thiên	Quang	12/09/2005		
29	33105	11B1	Trần Phương	Quyên	02/07/2005	x	
30	33106	11B1	Mạch Uyên	San	13/11/2005	x	
31	33107	11B1	Nguyễn Phan Phương	Thảo	18/10/2005	x	
32	33108	11B1	Ngô Thị Anh	Thư	23/06/2005	x	
33	33109	11B1	Nguyễn Nhã	Thư	11/10/2005	x	
34	33110	11B1	Nguyễn Lâm Tú	Trang	05/04/2005	x	
35	33112	11B1	Hương Thích	Trí	24/08/2005		
36	33113	11B1	Nguyễn Phạm Tường	Vi	09/10/2005	x	
37	33114	11B1	Nguyễn Tường	Vy	07/04/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33116	11B2	Trần Lan	Anh	19/03/2005	x	
2	33117	11B2	Trần Nguyễn Phương	Anh	06/10/2005	x	
3	33118	11B2	Huỳnh Ân	Ân	28/11/2005	x	
4	33119	11B2	Phạm Thiên	Ân	10/11/2005		
5	33120	11B2	Tăng Hựu Khánh	Chi	30/10/2005	x	
6	33121	11B2	Nguyễn Ngọc Trúc	Duyên	22/01/2005	x	
7	33122	11B2	Văn Hồng	Đạt	23/06/2005		
8	33124	11B2	Nguyễn Thu	Hằng	13/05/2005	x	
9	33126	11B2	Nguyễn Quốc	Huy	07/04/2005		
10	33127	11B2	La Thị Lan	Hương	21/06/2005	x	
11	33128	11B2	Ngô Gia	Hy	05/07/2005		
12	33409	11B2	Phạm Xuân	Khang	13/01/2005		CHUYỂN BAN
13	33129	11B2	Nguyễn Ngọc Vân	Khánh	21/06/2005	x	
14	33130	11B2	Bùi Quang	Khôi	25/07/2005		
15	33131	11B2	Chung Thế	Kiệt	11/02/2005		
16	33132	11B2	Nguyễn Võ Thế	Kiệt	09/09/2005		
17	33133	11B2	Đặng Khánh	Linh	11/05/2005	x	
18	32995	11B2	Nguyễn Trần Xuân	Mai	03/02/2005	x	CHUYỂN BAN
19	33135	11B2	Dương Ngọc Trà	My	16/05/2005	x	
20	33136	11B2	Đoàn Hoàng	Nam	25/05/2005		
21	33137	11B2	Nguyễn Kim	Ngân	27/05/2005	x	
22	33138	11B2	Trần Ngọc Phương	Nghi	14/09/2005	x	
23	33139	11B2	Trần Thảo	Nguyên	15/07/2005	x	
24	33587	11B2	Lê Thị Thanh	Nhàn	30/06/2005	x	
25	33140	11B2	Đỗ Ngọc Phương	Nhi	01/06/2005	x	
26	33142	11B2	Đậu Huỳnh Hồng	Phúc	03/03/2005	x	
27	33143	11B2	Trần Ngọc Nam	Phương	22/02/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33144	11B2	Tôn Thất Minh	Quân	20/02/2005		
29	33146	11B2	Lê Huỳnh Xuân	Thanh	25/06/2005	x	
30	33148	11B2	Hà Hưng	Thịnh	06/07/2004		
31	33150	11B2	Lâm Ngọc	Trân	01/05/2005	x	
32	33485	11B2	Tạ Ngọc Phương	Trinh	04/02/2005	x	CHUYỂN BAN
33	33151	11B2	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	16/03/2005	x	
34	33152	11B2	Đào Trọng Nguyên	Vũ	30/08/2005		
35	33153	11B2	Nguyễn Hà Thảo	Vy	23/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33155	11B3	Nguyễn Khánh	An	10/09/2005	x	
2	33156	11B3	Nguyễn Huỳnh Phương	Anh	13/01/2005	x	
3	33157	11B3	Nguyễn Quỳnh	Anh	31/01/2005	x	
4	33158	11B3	Trương Ngọc Hải	Anh	08/02/2005	x	
5	33159	11B3	Dương Ngọc	Bảo	29/01/2005		
6	33160	11B3	Ngô Minh	Đức	30/07/2005		
7	33162	11B3	Nguyễn Ngọc	Hà	10/04/2005	x	
8	33161	11B3	Nguyễn Hữu	Hào	01/01/2005		
9	33163	11B3	Phạm Diệu Bảo	Hân	08/11/2005	x	
10	33164	11B3	Trần Mai Gia	Hân	19/09/2005	x	
11	33165	11B3	Nguyễn Ngọc	Hoan	15/07/2005	x	
12	33166	11B3	Đỗ Mạnh Tuấn	Huy	15/01/2005		
13	33167	11B3	Hồ Văn	Khánh	23/10/2005		
14	33169	11B3	Huỳnh Kim Bảo	Khương	12/08/2005	x	
15	33170	11B3	Nguyễn Trí	Kiệt	21/10/2005		
16	33171	11B3	Liêu Minh	Lâm	04/12/2005		
17	32796	11B3	Bùi Thị Thùy	Linh	28/06/2005	x	CHUYỂN BAN
18	33172	11B3	Vũ Hoàng Thiên	Linh	15/04/2005	x	
19	33173	11B3	Trần Bảo	Long	23/07/2005		
20	33174	11B3	Giang Tiểu	My	04/08/2005	x	
21	33176	11B3	Lê Phương	Nghi	28/12/2005	x	
22	33178	11B3	Hoàng Lưu Thanh	Nhã	09/08/2005	x	
23	33180	11B3	Nguyễn Ngọc	Nhi	06/02/2005	x	
24	33182	11B3	Nguyễn Ngọc Hoàng	Nhung	08/01/2005	x	
25	33183	11B3	Lý Văn Trường	Phú	17/09/2005		
26	33289	11B3	Hoàng Như	Phúc	11/11/2005	x	CHUYỂN BAN
27	33184	11B3	Giang Tú	Phụng	28/10/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33185	11B3	Nguyễn Dương Minh	Quân	08/12/2005		
29	33188	11B3	Phan Châu Yên	Thi	28/10/2005	x	
30	33189	11B3	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	02/08/2005	x	
31	33190	11B3	Vũ Nguyễn Mai	Thy	18/05/2005	x	
32	33191	11B3	Lê Huyền	Trân	31/08/2005	x	
33	33192	11B3	Nguyễn Quốc	Trí	17/06/2005		
34	33193	11B3	Nguyễn Trần Tường	Vi	17/11/2005	x	
35	33194	11B3	Trần Ngọc Khánh	Vy	16/05/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33195	11Đ1	Trương Thị Thanh	An	05/11/2005	x	
2	33196	11Đ1	Nguyễn Huỳnh	Anh	12/09/2005	x	
3	33197	11Đ1	Võ Phú Thiên	Ân	28/05/2003		
4	33198	11Đ1	Nguyễn Trần Quốc	Bảo	15/12/2005		
5	33199	11Đ1	Nguyễn Ngọc Huyền	Châu	03/11/2005	x	
6	33200	11Đ1	Nguyễn Triều Hải	Dương	21/09/2005		
7	33592	11Đ1	Lê Thị Quỳnh	Giang	27/03/2005	x	
8	33201	11Đ1	Vòng Ngọc	Hân	22/02/2005	x	
9	33202	11Đ1	Nguyễn Thị Thu	Hiên	14/07/2005	x	
10	33203	11Đ1	Nguyễn Hữu Anh	Hoà	11/02/2005		
11	33204	11Đ1	Đinh Cao	Hung	20/09/2005		
12	33205	11Đ1	Trương Ngọc	Khánh	29/04/2005	x	
13	33206	11Đ1	Huỳnh Nguyễn Đăng	Khoa	28/07/2005		
14	33207	11Đ1	Trần Tuấn	Kiệt	23/01/2005		
15	33208	11Đ1	Nguyễn Hà Yến	Linh	05/10/2005	x	
16	32897	11Đ1	Nguyễn Thùy	Linh	05/07/2005	x	CHUYỂN BAN
17	33209	11Đ1	Nguyễn Huỳnh	Long	01/03/2005		
18	33210	11Đ1	Nguyễn Thị Phương	Nam	29/10/2005	x	
19	33211	11Đ1	Lữ Kim Bảo	Ngọc	14/12/2004	x	
20	33212	11Đ1	Nguyễn Minh	Nhật	01/04/2005		
21	33141	11Đ1	Đỗ Uyên	Nhi	30/12/2005	x	CHUYỂN BAN
22	33213	11Đ1	Dương Yến	Nhi	12/12/2005	x	
23	33214	11Đ1	Lâm Tiến	Phúc	25/08/2005		
24	33215	11Đ1	Tiêu Hồng Kim	Phụng	15/09/2005	x	
25	33216	11Đ1	Đặng Lê Hữu	Phước	12/07/2005		
26	33218	11Đ1	Hà Kim	Quyên	11/02/2005	x	
27	33219	11Đ1	Trần Vũ Ngọc	Quỳnh	02/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33220	11Đ1	Trần Vũ Tú	Quỳnh	02/09/2005	x	
29	33221	11Đ1	Võ Hoàng	Son	01/09/2005		
30	33222	11Đ1	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	07/01/2005	x	
31	33223	11Đ1	Vì Bảo	Thoa	05/08/2005	x	
32	33224	11Đ1	Nguyễn Bùi Kim	Thư	24/09/2005	x	
33	33149	11Đ1	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/07/2005	x	CHUYỂN BAN
34	33225	11Đ1	Nguyễn Thanh	Thư	08/11/2005	x	
35	32967	11Đ1	Võ Anh	Thy	21/06/2005	x	CHUYỂN BAN
36	33226	11Đ1	Trần Thảo	Tiên	06/11/2005	x	
37	33227	11Đ1	Lê Thị Đoan	Trang	26/11/2005	x	
38	33111	11Đ1	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	02/04/2005	x	CHUYỂN BAN
39	33228	11Đ1	Huỳnh Huy	Trí	22/09/2005		
40	33229	11Đ1	Sử Duy	Uyên	13/07/2005	x	
41	33230	11Đ1	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	21/12/2005	x	
42	33231	11Đ1	Mai Xuân	Yến	06/06/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33232	11Đ2	Hoàng Quốc	Anh	12/02/2005		
2	33233	11Đ2	Lưu Diễm	Anh	18/06/2005	x	
3	33234	11Đ2	Lưu Tuyết	Anh	07/06/2005	x	
4	33235	11Đ2	Phạm Gia	Bảo	12/11/2004		
5	31919	11Đ2	Nguyễn Hoàng	Dung	03/07/2004		BẢO LƯU HỌC LẠI
6	33236	11Đ2	Lâm Hiền	Đăng	30/04/2005		
7	33237	11Đ2	Trần Minh	Điệp	20/10/2005	x	
8	33591	11Đ2	Tạ Mỹ	Đình	31/07/2005		
9	33238	11Đ2	Trần Phúc Minh	Hạnh	29/10/2005	x	
10	33239	11Đ2	Long Trung	Hiếu	11/12/2005		
11	33240	11Đ2	Nguyễn Việt	Hoàng	29/06/2005		
12	33241	11Đ2	Nguyễn Đắc Thanh	Huy	29/04/2005		
13	33085	11Đ2	Nguyễn Quang	Huy	05/02/2005		CHUYỂN BAN
14	33361	11Đ2	Nguyễn Quỳnh	Hương	02/02/2005	x	CHUYỂN BAN
15	33243	11Đ2	Phạm Đình Đăng	Khoa	19/04/2005		
16	33244	11Đ2	Trương Ngọc Yên	Linh	04/01/2005	x	
17	33414	11Đ2	Trần Gia	Long	15/10/2005		CHUYỂN BAN
18	33245	11Đ2	Thêm Uyên	Lộc	17/06/2003		
19	33247	11Đ2	Nguyễn Phúc Thảo	My	06/06/2005	x	
20	33175	11Đ2	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Mỹ	04/09/2005	x	CHUYỂN BAN
21	33467	11Đ2	Đặng Như	Ngọc	08/08/2005	x	CHUYỂN BAN
22	33248	11Đ2	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	08/04/2005	x	
23	33177	11Đ2	Lê Ngọc Khánh	Nguyên	05/12/2005	x	CHUYỂN BAN
24	33250	11Đ2	Lưu Nguyễn Bình	Nguyên	28/01/2005		
25	33251	11Đ2	Nguyễn Trung	Nhật	13/07/2005		
26	33252	11Đ2	Nguyễn Đức Quỳnh	Như	19/01/2005	x	
27	33253	11Đ2	Trương Thanh	Phúc	26/08/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33254	11Đ2	Tăng Mỹ	Phụng	17/12/2005	x	
29	33255	11Đ2	Nguyễn Đăng	Quân	11/01/2005		
30	33256	11Đ2	Nhan Như	Quân	20/05/2005	x	
31	33257	11Đ2	Phạm San	San	24/07/2005	x	
32	33258	11Đ2	Đỗ Hoàng Minh	Tâm	08/05/2005		
33	33259	11Đ2	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	30/10/2005	x	
34	33260	11Đ2	Huỳnh Anh	Thư	21/01/2005	x	
35	33261	11Đ2	Nguyễn Anh	Thư	25/12/2005	x	
36	33262	11Đ2	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/06/2005	x	
37	33387	11Đ2	La Phương	Thy	26/11/2005	x	CHUYỂN BAN
38	33263	11Đ2	Võ Tuyết	Trâm	07/05/2005	x	
39	33264	11Đ2	Hoàng Phương	Uyên	19/11/2005	x	
40	33265	11Đ2	Trần Khang	Vinh	11/12/2005		
41	33266	11Đ2	Nguyễn Ái	Vy	09/06/2005	x	
42	33267	11Đ2	Phan Hồng	Yến	07/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33268	11H1	Huỳnh Đức	Anh	09/06/2005		
2	33269	11H1	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	12/04/2005	x	
3	33270	11H1	Phạm Nguyễn Tuấn	Anh	25/03/2005		
4	33271	11H1	Dương Đăng Kim	Châu	12/10/2005	x	
5	33272	11H1	Đặng Nguyễn	Cường	12/10/2005		
6	33273	11H1	Hầu Quang	Dinh	15/03/2005		
7	33274	11H1	Nguyễn Thị Ngân	Giang	01/06/2005	x	
8	33123	11H1	Lê Dương Tuấn	Hào	23/08/2005		CHUYỂN BAN
9	33276	11H1	Nguyễn Minh	Hào	03/09/2005		
10	33275	11H1	Lương Nhật	Hạ	08/06/2005	x	
11	33125	11H1	Lê Phương Bảo	Hân	29/03/2005	x	CHUYỂN BAN
12	33277	11H1	Hồ Phạm Thanh	Hiền	26/08/2005	x	
13	32791	11H1	Phạm Phan Quốc	Huy	17/08/2005		CHUYỂN BAN
14	33278	11H1	Chế Minh	Khang	26/02/2005		
15	33279	11H1	Lê Huy Anh	Khang	08/05/2005		
16	33280	11H1	Lê Nhật Nguyên	Khôi	03/12/2005		
17	33281	11H1	Ngô Quỳnh	Lam	10/11/2005	x	
18	33282	11H1	Cao Hoàng Ngọc	Linh	21/10/2005	x	
19	33134	11H1	Lê Thành	Long	23/05/2005		CHUYỂN BAN
20	33283	11H1	Trần Nhật Hoàng	Long	24/03/2005		
21	33284	11H1	Trần Đăng Thành	Nam	01/06/2005		
22	33589	11H1	Trương Trúc	Ngân	09/05/2005	x	
23	33285	11H1	Dương Trần Ánh	Nhi	29/04/2005	x	
24	33286	11H1	Trần Thị Thanh	Nhi	26/11/2005	x	
25	33287	11H1	Lê Ngọc Quỳnh	Như	14/04/2005	x	
26	33288	11H1	Liêu Chí	Phong	18/05/2005		
27	33290	11H1	Nguyễn Gia	Phúc	09/12/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33291	11H1	Phạm Thiên	Phước	25/05/2005		
29	33292	11H1	Nhan Minh	Quang	06/08/2005		
30	33293	11H1	Huỳnh Minh	Quân	04/10/2005		
31	33294	11H1	Đỗ Ngọc	Thảo	26/10/2005	x	
32	32813	11H1	Lê Thu	Thảo	24/02/2005	x	CHUYỂN BAN
33	33295	11H1	Trần Thị Thanh	Thảo	09/10/2005	x	
34	33296	11H1	Nguyễn Trần Mai	Thị	04/12/2005	x	
35	33297	11H1	Phạm Quốc	Thống	15/08/2005		
36	32915	11H1	Lê Lưu Kim	Thủy	10/03/2005	x	CHUYỂN BAN
37	33298	11H1	Nguyễn Anh	Thư	03/03/2005	x	
38	33299	11H1	Phạm Ngọc Uyên	Thy	15/01/2005	x	
39	33300	11H1	Huỳnh Ngọc	Trâm	12/12/2005	x	
40	33301	11H1	Nguyễn Đình Thanh	Trúc	16/12/2005	x	
41	33302	11H1	Nguyễn Ngọc Khánh	Vân	02/05/2005	x	
42	33303	11H1	Trần Thế	Vinh	13/02/2005		
43	33304	11H1	Nguyễn Khánh	Vy	24/06/2005	x	
44	33154	11H1	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	26/07/2005	x	CHUYỂN BAN
45	33305	11H1	Trần Nguyễn Thảo	Vy	20/08/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33306	11H2	Nguyễn Hoàng	Anh	01/12/2005		
2	33307	11H2	Phạm Hoàng	Anh	16/03/2005		
3	33308	11H2	Lê Thiên	Ánh	26/05/2005	x	
4	33309	11H2	Vũ Ngọc	Destiny	11/02/2005	x	
5	33310	11H2	Nguyễn Anh	Duy	18/11/2005		
6	33311	11H2	Nguyễn Phương	Đạt	29/09/2005		
7	32983	11H2	Đào Minh	Đức	09/07/2005		CHUYỂN BAN
8	33312	11H2	Đinh Đỗ Hoàng	Hà	01/10/2005	x	
9	33313	11H2	Hà Gia	Hân	08/06/2005	x	
10	33408	11H2	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/07/2005	x	CHUYỂN BAN
11	33314	11H2	Trần Chí	Khang	12/10/2005		
12	33315	11H2	Trần Phương	Khanh	09/05/2005	x	
13	33316	11H2	Nguyễn Phú Đăng	Khoa	27/07/2005		
14	33318	11H2	Huỳnh Giang Ngọc	Liên	07/11/2005	x	
15	33319	11H2	Trịnh Gia	Lợi	11/11/2005	x	
16	33246	11H2	Nguyễn Phương	Mai	01/02/2005	x	CHUYỂN BAN
17	33320	11H2	Lê Gia	Minh	13/11/2005		
18	33321	11H2	Lê Nguyễn Thụy	My	13/03/2005	x	
19	33322	11H2	Đặng Nguyễn Thu	Ngân	13/08/2005	x	
20	33323	11H2	Trương Bảo	Nghi	29/10/2005	x	
21	33324	11H2	Phạm Hiếu	Nghĩa	23/06/2005		
22	33325	11H2	Trương Nguyễn Tuấn	Ngọc	07/02/2005		
23	33326	11H2	Đoàn Thị Yên	Nhi	10/07/2005	x	
24	33181	11H2	Vũ Trần Yến	Nhi	13/01/2005	x	CHUYỂN BAN
25	33327	11H2	Đào Mẫn	Nhu	24/10/2005	x	
26	33328	11H2	Trần Đoàn Minh	Như	13/07/2005	x	
27	33329	11H2	Hồ Minh	Phúc	26/12/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33330	11H2	Vũ Thành	Phúc	18/11/2005		
29	33331	11H2	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	25/02/2005	x	
30	33332	11H2	Nguyễn Lê Anh	Quân	11/12/2005		
31	33186	11H2	Tăng Vy	San	18/01/2005	x	CHUYỂN BAN
32	33333	11H2	Ngô Tấn	Thành	29/09/2005		
33	33060	11H2	Phong Tuấn	Thành	27/04/2005		CHUYỂN BAN
34	33334	11H2	Đỗ Nguyễn Thanh	Thảo	20/11/2005	x	
35	33335	11H2	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	28/12/2005	x	
36	33336	11H2	Trương Thị Thanh	Thủy	08/04/2005	x	
37	33337	11H2	Phạm Thị Thanh	Thư	10/09/2005	x	
38	33338	11H2	Trần Bảo	Thy	17/03/2005	x	
39	33339	11H2	Nguyễn Trọng	Toàn	18/09/2005		
40	33340	11H2	Phạm Ngọc Mai	Trinh	04/04/2005	x	
41	33341	11H2	Nhiều Lập Cát	Tường	16/05/2005	x	
42	33342	11H2	Chap Nguyễn Phương	Vy	30/01/2005	x	
43	33343	11H2	Đoàn Huỳnh Trúc	Vy	26/04/2005	x	
44	33344	11H2	Hồng Như	Ý	11/03/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33345	11L1	Chung Quý	An	29/05/2005		
2	33346	11L1	Lê Thùy	Anh	20/02/2005	x	
3	33347	11L1	Ngô Thụy Hồng	Anh	29/07/2005	x	
4	33348	11L1	Tạ Ngọc	Ánh	01/12/2005	x	
5	33349	11L1	Nguyễn Mai Thiên	Ân	02/09/2005	x	
6	33350	11L1	Lê Gia	Bảo	14/09/2005		
7	33351	11L1	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	31/08/2005	x	
8	33352	11L1	Nguyễn Phương	Dung	22/10/2005	x	
9	33354	11L1	Lê Thành	Duy	20/11/2005		
10	33353	11L1	Trần Trung	Dũng	24/11/2005		
11	33355	11L1	Trần Mỹ	Hân	08/03/2005	x	
12	33357	11L1	Nguyễn	Hiếu	12/07/2005		
13	33356	11L1	Tôn Thất Minh	Hiệp	17/11/2005		
14	33358	11L1	Hoàng Quang	Huy	27/12/2005		
15	33360	11L1	Nguyễn Phú	Hưng	04/09/2005		
16	33362	11L1	Dương Bá	Khang	28/03/2005		
17	33363	11L1	Nguyễn Hoàng	Khang	14/11/2005		
18	33364	11L1	Nguyễn Đăng	Khoa	20/02/2005		
19	33365	11L1	Nguyễn Hoàng	Khôi	14/11/2005		
20	33366	11L1	Lê Thiên	Kim	05/10/2005	x	
21	33367	11L1	Hoàng Anh	Long	27/03/2005		
22	33368	11L1	Cao Bùi Thảo	Ly	23/11/2005	x	
23	33369	11L1	Võ Đức	Minh	24/01/2005		
24	33370	11L1	Lê Hoàng Yển	Ngân	10/08/2005	x	
25	33371	11L1	Trịnh Hoàng Vệ	Nghi	07/05/2005	x	
26	33372	11L1	Lê Trần	Nghĩa	28/11/2005		
27	33373	11L1	Hoàng Khánh	Ngọc	21/03/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33375	11L1	Lê Hoàng Thảo	Nhi	13/04/2005	x	
29	33374	11L1	Lữ Gia	Nhi	14/02/2005	x	
30	33376	11L1	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhung	13/01/2005	x	
31	33377	11L1	Nguyễn Tân	Phát	21/10/2005		
32	33378	11L1	Lê Hồng	Phúc	02/03/2005		
33	33380	11L1	Nguyễn Mai Hoài	Phương	13/01/2005	x	
34	33379	11L1	Trần Minh	Phước	21/10/2005		
35	33381	11L1	Phạm Minh	Quân	14/12/2005		
36	33382	11L1	Khâu Hoàng Phương	Quỳnh	01/10/2005	x	
37	33383	11L1	Lê Hữu	Thành	01/08/2005		
38	33384	11L1	Đoàn Duy	Thịnh	06/09/2005		
39	33385	11L1	Nguyễn Thị Minh	Thư	16/04/2005	x	
40	33386	11L1	Trương Vũ Anh	Thư	25/08/2005	x	
41	33388	11L1	Nguyễn Mỹ	Trân	23/05/2005	x	
42	33390	11L1	Nguyễn Xuân	Trình	30/09/2005		
43	33389	11L1	Phan Đức	Trí	31/05/2005		
44	33391	11L1	Trần Quý Thanh	Vân	30/10/2005	x	
45	33392	11L1	Phạm Hoàng	Việt	02/05/2005		
46	33393	11L1	Nguyễn Nhật	Yên	09/05/2005	x	
1	33394	11L2	Trần Thảo	An	28/01/2005	x	
2	32976	11L2	Đoàn Lê Phương	Anh	22/01/2005	x	CHUYỂN BAN
3	33395	11L2	Nguyễn Lê Bảo	Anh	04/08/2005	x	
4	33396	11L2	Phan Nguyễn Quỳnh	Anh	17/05/2005	x	
5	33398	11L2	Phạm Văn Minh	Bảo	28/04/2005		
6	33399	11L2	Nguyễn Lưu Khải	Bình	19/04/2005	x	
7	33401	11L2	Nguyễn Trọng	Duy	18/05/2005		
8	33402	11L2	Lê Xuân	Duyên	12/09/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
9	33400	11L2	Nguyễn Tiến	Dũng	05/10/2005		
10	33403	11L2	Trần Linh	Đan	22/12/2005	x	
11	33404	11L2	Chung Ngọc	Hân	08/07/2005	x	
12	33405	11L2	Ngô Vũ Nhật	Huy	23/04/2005		
13	33406	11L2	Trần Quang	Huy	21/02/2005		
14	33407	11L2	Võ Quốc	Hưng	26/09/2005		
15	33410	11L2	Trần Vĩ	Khang	09/05/2005		
16	33411	11L2	Đỗ Hoàng Đăng	Khoa	03/09/2005		
17	33412	11L2	Nguyễn Hoàng Anh	Khôi	08/02/2005		
18	33413	11L2	Nguyễn Ngọc Thư	Kỳ	19/06/2005	x	
19	33415	11L2	Nguyễn Xuân	Mai	31/01/2005	x	
20	33416	11L2	Đông Quang	Minh	28/02/2005		
21	33418	11L2	Nguyễn Đình Bảo	Ngân	18/12/2004	x	
22	33419	11L2	Phạm Nguyễn Gia	Nghi	22/07/2005	x	
23	33417	11L2	Lê Quỳnh Bảo	Ngọc	21/12/2005	x	
24	33420	11L2	Võ Khôi	Nguyên	17/11/2005		
25	33421	11L2	Đỗ Hoàng Yên	Nhi	23/09/2005	x	
26	33422	11L2	Nguyễn Thiên	Nhi	03/07/2005	x	
27	33423	11L2	Phạm Hoàng Thiên	Phú	25/05/2004		
28	33424	11L2	Nguyễn Hồng	Phúc	10/07/2005	x	
29	33425	11L2	Nguyễn Trọng	Phúc	30/09/2005		
30	33426	11L2	Trần Vinh	Quang	03/12/2005		
31	33427	11L2	Lê Hoàng Minh	Quân	28/09/2005		
32	33428	11L2	Lương Mỹ	Quyên	12/04/2005	x	
33	33429	11L2	Nguyễn Đoàn Thanh	Son	29/06/2005		
34	33430	11L2	Nguyễn Minh	Thành	18/08/2005		
35	33431	11L2	Nguyễn Thiên	Thi	21/04/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
36	33432	11L2	Võ Hà	Thông	12/10/2005		
37	33433	11L2	Nguyễn Minh	Thư	06/05/2005	x	
38	33434	11L2	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	14/06/2005	x	
39	33435	11L2	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	25/01/2005	x	
40	33437	11L2	Đỗ Hạnh	Trinh	17/07/2005	x	
41	33436	11L2	Huỳnh Lê Minh	Trí	04/04/2005		
42	33438	11L2	Nguyễn Đức	Trung	14/01/2005		
43	33439	11L2	Nguyễn Triều Quang	Vinh	14/01/2005		
44	33440	11L2	Hàng Yên	Vy	19/10/2005	x	
45	33441	11L2	Lê Huỳnh Hải	Yên	31/01/2005	x	
1	33442	11L3	Lê Ngọc Vân	Anh	20/09/2005	x	
2	33443	11L3	Trần Lê Phương	Anh	26/08/2005	x	
3	33444	11L3	Nguyễn Lê Hồng	Ân	15/11/2005	x	
4	33445	11L3	Đào Xuân	Bách	09/12/2005		
5	33446	11L3	Nguyễn Vũ Duy	Bình	28/07/2005		
6	33447	11L3	Lý Ngọc	Bội	13/12/2005	x	
7	32980	11L2	Nguyễn Ngọc Minh	Chi	23/07/2005	x	CHUYỂN BAN
8	33448	11L3	Nguyễn Quỳnh	Dao	23/04/2005	x	
9	33449	11L3	Nguyễn Khánh	Dương	08/10/2005		
10	32984	11L3	Trần Lê Khánh	Giang	01/06/2005	x	CHUYỂN BAN
11	33450	11L3	Nguyễn Quang	Hải	05/08/2005		
12	33451	11L3	Lê Hoàng Gia	Hân	30/11/2005	x	
13	33452	11L3	Ngô Bảo	Hân	07/09/2005	x	
14	33453	11L3	Hồ Phi	Hoàng	18/10/2005		
15	33454	11L3	Lê Minh	Huy	20/03/2005		
16	33455	11L3	Nguyễn Khải	Huy	03/10/2005		
17	33456	11L3	Nguyễn Tân Gia	Huy	26/05/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
18	33457	11L3	Nguyễn Anh	Khang	15/02/2005		
19	33458	11L3	Võ Thụy Hồng	Khanh	14/06/2005	x	
20	33459	11L3	Đào Nguyễn Anh	Khoa	16/08/2005		
21	33460	11L3	Lê Anh	Khoa	22/06/2005		
22	33461	11L3	Nguyễn Trần Minh	Kiên	08/04/2005		
23	33462	11L3	Vũ Ngọc Khánh	Linh	28/06/2005	x	
24	33463	11L3	Đỗ Hoàng Trúc	Mai	15/07/2005	x	
25	33465	11L3	Trần Xuân	Minh	08/09/2005		
26	33466	11L3	Lê Thị Kim	Ngân	05/06/2005	x	
27	33468	11L3	Ngô Nguyễn Bảo	Ngọc	18/04/2005	x	
28	33469	11L3	Nguyễn Khôi	Nguyên	08/10/2005		
29	33470	11L3	Lâm Yên	Nhi	20/07/2005	x	
30	33472	11L3	Nguyễn Anh	Phúc	25/09/2005		
31	33473	11L3	Nguyễn Lê	Phước	09/09/2005		
32	33475	11L3	Phạm Nguyễn Minh	Quang	15/07/2005		
33	33476	11L3	Trần Minh	Quân	01/03/2005		
34	33477	11L3	Nguyễn Ngọc Vũ	Sang	17/05/2005		
35	33478	11L3	Hoàng Lê Minh An	Thiên	13/01/2005		
36	33013	11L3	Võ Đặng Gia	Thịnh	01/05/2005		CHUYỂN BAN
37	33479	11L3	Phan Huy	Thống	06/10/2005		
38	32817	11L3	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	11/11/2005	x	CHUYỂN BAN
39	33480	11L3	Lê Ngọc Minh	Thư	14/08/2005	x	
40	33481	11L3	Nguyễn Đào Anh	Thư	30/09/2005	x	
41	33483	11L3	Trần Ngọc Quỳnh	Trâm	20/06/2005	x	
42	33484	11L3	Bùi Đình	Trí	12/07/2005		
43	33486	11L3	Phạm Nguyên	Trưởng	07/01/2005		
44	33487	11L3	Nguyễn Minh	Vũ	03/06/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
45	33488	11L3	Nguyễn Trần Thảo	Vy	27/07/2005	x	
46	33489	11L3	Lê Hồng	Yên	06/12/2005	x	
1	33490	11L4	Đặng Nguyễn Kim	Anh	18/03/2005	x	
2	33491	11L4	Nguyễn Huỳnh Hà	Anh	30/07/2005	x	
3	33492	11L4	Trần Thị Phương	Anh	05/09/2005	x	
4	33493	11L4	Trương Gia	Bảo	14/06/2005		
5	33494	11L4	Trần Ngọc Minh	Châu	12/12/2005	x	
6	33495	11L4	Bùi Thị Thiên	Diệu	18/03/2005	x	
7	33496	11L4	Nguyễn Thanh	Dương	09/04/2005		
8	33497	11L4	Cao Hồng	Đạt	25/08/2005	x	
9	33498	11L4	Ngô Dương	Hào	22/07/2005		
10	33499	11L4	Đoàn Mỹ	Hằng	09/10/2005	x	
11	33500	11L4	Nguyễn Gia	Hân	06/10/2005	x	
12	33501	11L4	Nguyễn Nghi	Hân	06/10/2005	x	
13	33503	11L4	Lý Gia	Huy	03/10/2005		
14	33504	11L4	Nguyễn Quang	Huy	19/04/2005		
15	33505	11L4	Nguyễn Võ Minh	Huy	30/01/2005		
16	33502	11L4	Trương Quốc	Hùng	26/07/2005		
17	33506	11L4	Chiêu Bảo	Khang	19/07/2005		
18	33507	11L4	Lư Tấn	Khoa	25/08/2005		
19	33508	11L4	Võ Hà Minh	Khoa	19/07/2005		
20	33509	11L4	Nguyễn Phúc Như	Khương	24/04/2005	x	
21	33510	11L4	Huỳnh Gia	Lạc	28/06/2005		
22	33511	11L4	Vũ Trần Nhật	Linh	24/12/2005	x	
23	33512	11L4	Dương Chí	Minh	27/05/2005		
24	33513	11L4	Lê Hoàng	Mỹ	15/07/2005	x	
25	33514	11L4	Đặng Bá Đại	Nam	11/05/2005		

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
26	33515	11L4	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	03/05/2005	x	
27	33516	11L4	Lê Thị Hồng	Ngọc	03/06/2005	x	
28	33517	11L4	Trần Khang Bảo	Ngọc	18/11/2005	x	
29	33518	11L4	Nguyễn Trung	Nhân	17/11/2005		
30	33519	11L4	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	08/02/2005	x	
31	33520	11L4	Lê Hà Quỳnh	Như	28/08/2005	x	
32	33521	11L4	Trần Thiên	Phúc	28/07/2005		
33	33523	11L4	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	21/03/2005	x	
34	33522	11L4	Trần Bảo	Phước	23/09/2005		
35	33524	11L4	Dương Vũ Minh	Quang	06/07/2005		
36	33525	11L4	Phạm Cao Minh	Quân	14/10/2005		
37	33526	11L4	Lê Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/06/2005	x	
38	33528	11L4	Huỳnh Hồng Ngọc	Thạch	11/05/2005		
39	33527	11L4	Nguyễn Đức	Thiện	10/06/2005		
40	33529	11L4	Lâm Quốc	Thuân	15/04/2005		
41	33530	11L4	Nguyễn Đào Anh	Thư	02/10/2005	x	
42	33531	11L4	Trương Ngọc Minh	Thư	02/09/2005	x	
43	33532	11L4	Trương Nguyễn Kiều	Trâm	08/06/2005	x	
44	33533	11L4	Nguyễn Hiền	Trí	02/10/2005		
45	33534	11L4	Phạm Trương Anh	Tú	04/09/2005		
46	33535	11L4	Lê Quỳnh Minh	Vân	16/09/2005	x	
47	33536	11L4	Phạm Nguyễn Minh	Vy	09/06/2005	x	
48	33537	11L4	Nguyễn Hồng	Yên	14/06/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
1	33538	11L5	Hoàng Quỳnh	Anh	05/05/2005	x	
2	33539	11L5	Nguyễn Đình Khánh	Anh	13/10/2005	x	
3	33540	11L5	Nguyễn Bình Phương	Ánh	12/11/2005	x	
4	33541	11L5	Đình Thiên	Bảo	30/10/2005		
5	33542	11L5	Trần Ngọc	Châu	12/09/2005	x	
6	33543	11L5	Tăng Trần Khánh	Dung	01/04/2005	x	
7	33544	11L5	Phạm Nguyễn Nhật	Duy	01/03/2005		
8	33546	11L5	Nguyễn Hoàng	Hiệp	14/01/2005		
9	33548	11L5	Trần Lâm Nhật	Huy	14/09/2005		
10	33549	11L5	Trần Quang	Huy	05/09/2005		
11	33547	11L5	Wang Kỳ	Hùng	16/08/2005		
12	33550	11L5	Hồ Mai	Hương	29/01/2005	x	
13	33552	11L5	Lê Nguyễn Gia	Khang	06/11/2005		
14	33551	11L5	Phan Quang	Khải	30/12/2005		
15	33553	11L5	Đỗ Công Đăng	Khoa	07/03/2005		
16	33554	11L5	Nguyễn Xuân	Khoa	10/05/2005		
17	33555	11L5	Hoàng Thiên	Kim	16/10/2005	x	
18	33557	11L5	Nguyễn Hoàng Ánh	Linh	10/06/2005	x	
19	33558	11L5	Lê Nguyễn Đức	Minh	11/03/2005		
20	33559	11L5	Đỗ Vĩ	Ngạn	01/09/2005		
21	33560	11L5	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	01/07/2005	x	
22	33561	11L5	Lê Mỹ	Nghi	16/09/2005	x	
23	33590	11L5	Đoàn Trọng	Nghĩa	02/01/2005		
24	33562	11L5	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	07/07/2005	x	
25	33563	11L5	Loác Ngọc	Nhi	04/02/2005	x	
26	33564	11L5	Trần Ngọc Bảo	Nhi	11/10/2005	x	
27	33565	11L5	Trần Ngọc Quỳnh	Như	20/06/2005	x	

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Trường THPT Nguyễn Khuyến

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Mã HS	LỚP	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
28	33566	11L5	Hoàng Lê	Phan	12/10/2005		
29	33567	11L5	Bùi Anh	Phúc	05/10/2005		
30	33569	11L5	Nguyễn Nhật Hà	Phương	01/10/2005	x	
31	33570	11L5	Trần Lê Anh	Quân	30/06/2005		
32	33571	11L5	Nguyễn Nhật Hà	Quyên	01/10/2005	x	
33	33572	11L5	Võ Ngọc Diễm	Quỳnh	08/10/2005	x	
34	33573	11L5	Phạm Nguyễn Thanh	Sang	31/05/2005		
35	33574	11L5	Trương Đình	Thắng	28/05/2005		
36	33575	11L5	Nguyễn Vĩnh	Thiệu	31/08/2005		
37	33576	11L5	Đặng Nguyễn Minh	Thuận	22/05/2005		
38	33577	11L5	Đàm Phương	Thùy	27/08/2005	x	
39	33578	11L5	Đỗ Nhật Anh	Thư	12/12/2005	x	
40	33579	11L5	Lê Minh	Thư	06/08/2005	x	
41	33580	11L5	Nguyễn Minh	Thư	14/12/2005	x	
42	33581	11L5	Trần Lâm Bảo	Trân	25/05/2005	x	
43	33582	11L5	Đoàn Minh	Triết	29/03/2005		
44	33583	11L5	Huỳnh Xương	Tùng	12/03/2005		
45	33584	11L5	Mai Thị Hồng	Vân	19/01/2005	x	
46	33585	11L5	Lâm Hồng	Vy	20/05/2005	x	